

Bản án số: 549/2022/HC-PT
Ngày 26 tháng 7 năm 2022
“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 229/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 5 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 967/2022/QĐPT-HC ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1969 – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Số 268, Tổ 06, ấp Hòa Hưng, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Bùi Trần Phú Thư – Văn phòng luật sư Phú Thư thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt);

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang;

Cùng địa chỉ: Thị trấn Phú Mỹ, huyện P, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Nguyên C – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P – Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phạm Hoài P – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P – Vắng mặt;

- Ông Trần Văn R – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P – Vắng mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Ngô Văn H, sinh năm 1961 – Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp Hòa Hưng, xã Hòa Lạc, huyện P, tỉnh An Giang;

3.2. Bà Nguyễn Kim T¹ (Nguyễn Thị Kim T¹), sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 268, Tổ 06, ấp Hòa Hưng, xã Hòa Lạc, huyện P, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Kim T¹: Bà Nguyễn Thị Lệ T, cũng là người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2020) – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/12/2020, khởi kiện bổ sung ngày 04/01/2021 và lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ T (và cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim T¹) trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ Nguyễn Văn T² (chết ngày 28/8/2014) và cụ Dương Thị S (chết ngày 19/8/2020) có phần đất giáp ranh với phần đất của ông Ngô Văn H. Cụ T² và cụ S được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02461C ngày 20/12/2005, thửa đất số 58, diện tích 1.173,7 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02471C, thửa đất số 65, diện tích 894,9 m², đều thuộc tờ bản đồ số 07 ấp Hòa Hưng. Ông H được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03534QSDĐ/1C ngày 17/12/2002, các thửa đất số 42, 59, 131, tổng diện tích 2.454,7 m².

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ T², cụ S và ông H đều không đúng quy định của pháp luật, vì cụ S bị mù và không biết chữ nên không thể ký tên được, cụ S cũng không có ủy quyền cho chị của bà là bà Nguyễn Kim T¹, nên chữ ký của chị T¹ cũng không đủ tư cách của chủ sử dụng đất. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H không có chữ ký giáp ranh của cụ S cũng là không đúng. Phần diện tích bà đang sử dụng lại nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, hai bên đang tranh chấp, hiện nay ông H có hành vi chặt phá cây trồng trên đất gây thiệt hại cho bà, nên bà khiếu nại. Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Công văn số 1128/UBND-TNMT ngày 14/5/2020 (*Sau đây viết tắt là Công văn số 1128*) cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ T², cụ S là đúng và sau đó ban hành Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 (*Sau đây viết tắt là Quyết định số 4038*) với nội dung bác khiếu nại của bà và giữ nguyên Công văn số 1128.

Bà Nguyễn Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1128 và Quyết định số 4038.

Tại Công văn số 332/UBND-TNMT ngày 18/02/2021 và lời khai tiếp theo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Từ năm 2002 đến năm 2005, đoàn đo đạc của Trung ương thực hiện quy trình đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà cho toàn bộ người dân tại xã Hòa Lạc, huyện P, trong đó có hộ cụ T², cụ S và hộ ông H. Khi có khiếu nại của bà T, Ủy ban nhân dân huyện phân công Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đến hiện trạng phần đất của hai bên để thẩm tra và kiểm tra lại hồ sơ cấp giấy và thấy rằng việc cấp giấy là đúng với quy trình, thủ tục nên Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Công văn số 1128 để trả lời cho bà T. Do bà T có khiếu nại nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 4038 để giải quyết khiếu nại.

Việc bà T cho rằng trong hồ sơ gốc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ S chữ ký không phải của mẹ bà, vì cụ S không biết chữ, nhưng cụ S đã chết, không có căn cứ chứng minh cho lời trình bày của bà T. Việc bà T cho rằng phần đất bà đang sử dụng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H cũng không đủ căn cứ để khẳng định việc này.

Ông Ngô Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy số 03534QSDĐ/1C, diện tích 2.454,7 m², thửa số 42, 59, 131. Vào ngày 01/8/2011, ông H chuyển nhượng cho ông Huỳnh Quốc D, bà Nguyễn Thị Diệu L, diện tích 249,7 m² thửa số 42 từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03534QSDĐ/1C. Ngày 11/8/2011 Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CH04811, diện tích 1.427,7 m² thửa số 59, 131 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04810, diện tích 579,9 m² thửa số 42, tờ bản đồ số 07 cho ông H (lý do cấp lại phần diện tích còn lại sau khi chuyển nhượng).

Việc tranh chấp đất giữa bà T với ông H trước đây đã được Tòa án nhân dân huyện P đình chỉ việc giải quyết vụ án do bà T rút đơn khởi kiện. Hiện nay nếu bà T cho rằng phần đất của bà nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, cũng như việc ông H chặt cây gây thiệt hại thì bà có quyền khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án. Nếu Tòa án tuyên thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên thì Ủy ban nhân dân huyện P sẽ thực hiện theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn H:

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông không gửi bản khai ý kiến, cũng không có mặt tại các phiên họp, phiên tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ các điều 30, 31, 157, 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T về việc hủy bỏ Công văn số 1128/UBND-TNMT ngày 14/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P và Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/02/2022, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ T có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Chủ tọa phiên tòa công bố: Bản “Tường trình” đề ngày 15/7/2022 của bà Nguyễn Thị Lệ T; Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và luận cứ bảo vệ cho người kháng cáo của luật sư Bùi Trần Phú Thư đề ngày 15/7/2022; Đơn đề nghị xét xử

vắng mặt đề ngày 01/7/2022 của ông Lê Nguyên C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ T (cũng là người đại diện cho bà Nguyễn Kim T¹), luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Ngô Văn H vắng mặt nhưng ông H không có kháng cáo. Theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/01/2022, Chủ tọa phiên tòa nhiều lần giải thích trong trường hợp bà T cho rằng ông H lấn chiếm đất của cha mẹ bà, thì bà có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự, nhưng bà T xác định bà đã rút đơn kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất với ông H và trong vụ án này bà chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1128 và Quyết định số 4038.

Bà T khởi kiện đối với quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (có nội dung giải quyết khiếu nại của bà T, có ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T) trong thời hạn chưa quá 01 năm, kể từ ngày có quyết định bị khởi kiện. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại các điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Công văn số 1128 và Quyết định số 4038 được ban hành đảm bảo về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của Luật Khiếu nại.

[4] Tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của cụ Dương Thị S do con là bà Nguyễn Thị Kim T¹ ký thay ngày 10/10/2005 thể hiện cụ S kê khai thửa đất số 58, diện tích là 1.173,7 m². Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02461C ngày 20/12/2005 của cụ Dương Thị S và cụ Nguyễn Văn T² cũng thể hiện thửa đất số 58, diện tích là 1.173,7 m², đúng bằng với diện tích cụ S tự kê

khai đăng ký (do bà T¹ ký thay). Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 cho đến lúc cụ T² chết (ngày 28/8/2014), cụ S chết (ngày 19/8/2020), hai cụ không có thắc mắc, khiếu nại gì đối với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không có cơ sở để xác định việc Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02461C ngày 20/12/2005 cho cụ Dương Thị S và cụ Nguyễn Văn T² là không đúng.

[5] Điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định trong trường hợp người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất thì việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp chỉ được thực hiện sau khi có văn bản có hiệu lực pháp luật của cơ quan giải quyết tranh chấp về đất đai.

Ông Ngô Văn H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03534QSDĐ/IC ngày 17/12/2002, nhưng ông H đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho các ông, bà: Huỳnh Quốc D, Nguyễn Thị Diệu L, Nguyễn Văn L¹, Nguyễn Thị Kim C và ông H đã được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04811 ngày 11/8/2011. Theo quy định của pháp luật đã viện dẫn trên, thì Ủy ban nhân dân không được tự mình thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P không chấp nhận khiếu nại của bà T, đồng thời hướng dẫn bà T có thể khởi kiện đến Tòa án để tranh chấp quyền sử dụng đất theo thủ tục tố tụng dân sự và căn cứ vào Bản án thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ thu hồi hoặc hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các bên, là đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Trang, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[8] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu hủy Công văn số 1128/UBND-TNMT ngày 14/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang và không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

3. Bà Nguyễn Thị Lệ T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0000053 ngày 11/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (18b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công